BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN CÓ HÌNH ẢNH CHO HỌC SINH LỚP 1, 2 QUA SỬ DỤNG TRUYỆN TRANH

Chuyên ngành: Giáo dục học

Mã số: 9 14 01 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Hà Nội - 2020

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS Nguyễn Thị Hạnh

PGS.TS Bùi Minh Đức

Phản biện: . . . . . .

Phản biện: . . . . . .

Phản biện: . . . . . .

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Trường chấm luận án tiến sĩ họp tại . . . . . .

vào hồi giờ ngày tháng năm 20

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Dạy học phát triển năng lực (PTNL) là xu thế chung của toàn thế giới trong đó có Việt Nam. Một trong những năng lực (NL) mà học sinh (HS) các cấp nói chung, HS cấp tiểu học nói riêng cần phải có là NL ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết).

1.2. Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn đặt ra vấn đề đọc các loại văn bản (VB) bao gồm VB đơn phương thức (VB có một kênh biểu đạt, chủ yếu là kênh ngôn ngữ) và VB đa phương thức (VB có sự phối hợp chặt chẽ từ hai kênh biểu đạt trở lên). Như vậy, vấn đề PTNL đọc hiểu (ĐH) không chỉ dừng lại ở ĐH VB đơn phương thức, mà còn mở rộng đến việc ĐH VB đa phương thức.

1.3. VB có hình ảnh chính là một dạng của VB đa phương thức, vì loại VB này có sự phối hợp của hai kênh biểu đạt là kênh ngôn ngữ và kênh hình ảnh. Truyện tranh (TT) theo đó cũng được xem là VB có hình ảnh, bởi ở TT có sự kết hợp của kênh ngôn ngữ (phần lời) và kênh hình ảnh (phần tranh).

1.4. Ở TT, phần tranh và phần lời cùng kết hợp để tạo nghĩa cho VB. Do đó, TT dễ tiếp nhận hơn truyện chữ. Đôi khi chỉ cần nhìn tranh đã có thể hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện. Từ đặc điểm này, TT rất phù hợp để dạy học ĐH cho HS các lớp đầu cấp như HS lớp 1, lớp 2.

1.5. Từ nhận thức yêu cầu phát triển lí luận dạy học và bối cảnh thực tiễn đổi mới giáo dục như trên nên đề tài *Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2 qua sử dụng truyện tranh* được lựa chọn để làm đề tài luận án tiến sĩ Khoa học Giáo dục.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là đề xuất các biện pháp PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 qua sử dụng TT ở môn Tiếng Việt, hướng tới giúp HS lớp 1, 2 PTNL ĐH VB có hình ảnh, góp phần hoàn thiện mục tiêu PTNL ĐH cho HS lớp 1, 2 nói riêng và HS tiểu học nói chung.

3. Khách thể, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: Quá trình dạy học môn Tiếng Việt ở lớp 1, 2.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Việc dạy học PTNL ĐH VB có hình ảnh qua sử dụng TT trong dạy học Tiếng Việt ở lớp 1, 2.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu giới hạn ở các biện pháp PTNL ĐH VB có hình ảnh thông qua sử dụng TT trong quá trình dạy học môn Tiếng Việt lớp 1, lớp 2.

- Phạm vi khảo sát thực trạng giới hạn ở 6 trường tiểu học thuộc thành phố Hà Nội và các tỉnh Thái Bình, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Kiên Giang.

- Thực nghiệm khoa học được thực hiện tại trường tiểu học Nghĩa Dũng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; trường tiểu học Cảnh Thụy, xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; trường tiểu học Đồng Việt, xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; trường tiểu học Minh Quang, xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

4. Giả thuyết khoa học

Việc tìm ra cách thức để dạy học ĐH những VB có nội dung được biểu đạt bằng chữ và hình ảnh cho HS tiểu học là vấn đề cần được quan tâm, nghiên cứu sâu hướng đến giúp HS tiểu học nói chung, HS lớp 1, 2 nói riêng PTNL ĐH VB có hình ảnh. Nếu xác định được yêu cầu cần đạt của NLĐH VB có hình ảnh; lựa chọn, thiết kế TT như ngữ liệu hợp lí; xây dựng câu hỏi, bài tập phù hợp để dạy học ĐH VB có hình ảnh; vận dụng các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá NL ĐH VB có hình ảnh; tổ chức đọc rộng để tăng cường NL ĐH VB có hình ảnh thì có thể tác động được vào học sinh lớp 1, 2, góp phần PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS ở các lớp này.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

Xác định cơ sở lí luận của việc PTNL ĐH VB có hình ảnh qua sử dụng TT ở lớp 1, 2. Đánh giá thực trạng PTNL ĐH VB có hình ảnh qua sử dụng TT ở lớp 1, 2 tại một số trường tiểu học. Đề xuất các biện pháp PTNL ĐH VB có hình ảnh qua sử dụng TT trong

quá trình dạy học môn Tiếng Việt lớp 1, 2. Tổ chức thực nghiệm sư phạm để đánh giá kết quả nghiên cứu.

6. Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu lí luận; Phương pháp nghiên cứu thực tiễn.

7. Những luận điểm khoa học phải bảo vệ

7.1. VB có hình ảnh là một loại VB đa phương thức, thể hiện nội dung, ý nghĩa qua hai kênh biểu đạt là kênh ngôn ngữ và kênh hình ảnh. TT chính là một dạng VB có hình ảnh phù hợp để dạy học ĐH cho HS lớp 1, 2. Do đó, PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 qua sử dụng TT cần được nghiên cứu sâu.

7.2. Để PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 qua sử dụng TT, chúng tôi đề xuất một số biện pháp sau: Xác định yêu cầu cần đạt; Lựa chọn, thiết kế TT phù hợp; Xây dựng câu hỏi, bài tập để PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2; Vận dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học, phương pháp đánh giá NL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2; Tổ chức đọc rộng để tăng cường NL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 qua sử dụng TT.

7.3. PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 giúp nâng cao kết quả học tập, PT NL ĐH cho HS lớp 1, 2 nói riêng và HS tiểu học nói chung.

8. Những đóng góp của luận án

- Luận án bước đầu hệ thống những kiến thức lí luận về năng lực, năng lực đọc hiểu, văn bản có hình ảnh và PTNL ĐH văn bản có hình ảnh.

- Luận án bước đầu tìm hiểu việc ĐH VB có hình ảnh qua hai kênh biểu đạt là kênh ngôn ngữ và kênh hình ảnh.

- Luận án bước đầu tìm hiểu kinh nghiệm dạy học ĐH VB có hình ảnh ở một số nước trên thế giới và Việt Nam.

- Luận án đề xuất một số biện pháp PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 qua sử dụng TT: Xác định yêu cầu cần đạt; Lựa chọn, thiết kế TT phù hợp; Xây dựng câu hỏi, bài tập để PTNL ĐH VB có hình ảnh của HS lớp 1, 2; Vận dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học, phương pháp đánh giá NL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp

1, 2; Tổ chức đọc rộng để tăng cường NL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 qua sử dụng TT.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÍ LUẬN CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN CÓ HÌNH ẢNH CHO HỌC SINH LỚP 1, 2 QUA SỬ DỤNG TRUYỆN TRANH

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu về năng lực và phát triển năng lực cho học sinh tiểu học

NL được tiếp cận và định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Những nghiên cứu của F. E.Weinert, 2001; Denyse Tremblay, 2002; Erpenbeck, John, 2002…khẳng định NL gắn với việc vận dụng các kiến thức, KN, thái độ của cá nhân vào giải quyết các vấn đề của cuộc sống, các tình huống đa dạng của cuộc sống.

Tại Việt Nam, những bài báo khoa học viết về NL của các tác giả Đặng Thành Hưng, Bùi Mạnh Hùng, Đỗ Ngọc Thống, Lê Phương Nga, Nguyễn Thị Hạnh…đưa ra khái niệm NL, cấu trúc của NL và từ đó vận dụng vào việc dạy học PTNL cho HS các cấp học.

1.1.2. Những nghiên cứu về đọc hiểu và phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh tiểu học

Những nghiên cứu của Paris & Hamilton, 2009; Adam, 1990; Sweet & Snow, 2002; Anderson & Pearson, 1984; Afflerbach, 1990; Meneghetti, Carretti & De Beni, 2006; Rumelhart, 1994… đều chú ý đến các nhân tố gắn với hoạt động đọc. Đó là VB, người đọc và mối quan hệ tương tác nhằm mục đích kiến tạo nghĩa từ VB.

Theo Pearson, 2009, ĐH nằm ở sự giao nhau giữa người đọc, VB và ngữ cảnh (reader, text, context).

Từ cách đánh giá kết quả ĐH theo bộ công cụ EGRA (Early Grade Reading Assessment), đến tham khảo PISA 2009 (đánh giá về NL ĐH xây dựng trên ba đặc điểm chính: Tình huống,VB, khía cạnh) luận án tìm cơ sở cho cách đánh giá NLĐHVB có hình ảnh.

Ở Việt Nam, quan niệm ĐH được xem xét ở nhiều góc độ. ĐH có thể được xem là một hành động, một KN, một NL. Tổng hợp

các nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy, các nghiên cứu về ĐH ở Việt Nam tập trung vào 2 hướng chính sau:

Hướng 1: Tham khảo kinh nghiệm dạy học ĐH ở nước ngoài để tìm ra hướng đi cho việc dạy học PTNL ĐH ở Việt Nam. Những nghiên cứu tiêu biểu cho hướng này là của Nguyễn Thúy Hồng, Đỗ Ngọc Thống, Bùi Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Hồng Nam, Phạm Thị Thu Hiền…Những nghiên cứu này cho chúng tôi cái nhìn so sánh, tìm ra những điểm ưu việt trong dạy học ĐH ở nước ngoài có thể vận dụng vào dạy học ĐH ở lớp 1, 2 tại Việt Nam.

Hướng 2: Xây dựng, phác thảo chương trình Ngữ văn, Tiếng Việt ở Việt Nam trong đó chú trọng phát triển các NL ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), nhất là chú trọng ĐH. Những nghiên cứu này đưa ra những kết quả cụ thể, gần với nghiên cứu của chúng tôi hơn. Tiêu biểu cho xu hướng này là các nghiên cứu của Lê Phương Nga, Bùi Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Hạnh, Phạm Thị Thu Hương...

- Những nghiên cứu về PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS tiểu học trên thế giới:

Các công trình đều khẳng định tầm quan trọng của VBCHA trong việc tăng khả năng đọc (ĐH) cho trẻ em. Nhiều nghiên cứu cho rằng hình ảnh có thể giúp phát triển ý tưởng (Pichert & Elam, 1985) và sự kết hợp của hình ảnh và ngôn ngữ có thể giúp cho việc xây dựng kiến thức nền (Pikulski, 2010). Một vài nghiên cứu còn chỉ ra rằng trẻ em lựa chọn một tài liệu đọc nào đó là bởi nó có hình ảnh (Amsden, 1960; Brookshire, Scharff & Moses, 2002; Goldstone, 2001; Mohr, 2003 &2006; Reutzel & Gali, 1997; Weiss, 1982). Hình ảnh thu hút sự chú ý của người đọc, là nguyên nhân khiến họ lựa chọn tài liệu đọc.

Fang (1996) còn chỉ ra rằng, hình ảnh có thể khích lệ và đẩy mạnh niềm yêu thích của trẻ với sách, và có thể biểu lộ những kinh nghiệm thân thuộc mà trẻ hầu như nhận thấy một cách dễ dàng.

- Những nghiên cứu về PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS tiểu học ở Việt Nam:

Trong những nghiên cứu gần đây, hình ảnh được quan niệm là một nội dung dạy học. Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này thể hiện trong bài viết của Nguyễn Thị Hạnh. Khi trình bày về các VB đọc và xem trong "Nội dung học tập cốt lõi để PTNL đọc và xem ở cấp tiểu học", Nguyễn Thị Hạnh (2016) nói rõ "nội dung VB được biểu đạt bằng cả kênh chữ và kênh hình (tranh ảnh, sơ đồ, biểu đồ...).

1.1.3. Những nghiên cứu về phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh tiểu học qua sử dụng truyện tranh

Nhiều nghiên cứu trên thế giới đưa ra những khái niệm khác nhau về TT, nhưng đều khẳng định vai trò của TT với việc dạy học, nhất là dạy các KN ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho những HS học tiếng mẹ đẻ và HS học ngoại ngữ. (Ali MERC, 2013; Amy Baker, 2011, Wright & Sherman, 1994; Wright & Sherman, 1996; Williams, 1995; Liu, J. 2004; Winda Apriani, Machdalena Vianty, Bambang A.L Csabay, 2006; Grant, 2010; Krashen, 2008; Mic Vicker, 2005; Ali MERC, 2013; Lynly L, 2016…)

Tại Việt Nam, vấn đề dạy học ĐH qua sử dụng TT chưa được nghiên cứu nhiều. Gần đây, các tác giả Nguyễn Thúy Hồng, Nguyễn Thị Hạnh, Bùi Mạnh Hùng, Nguyễn Minh Thuyết...đã đề cập đến việc sử dụng TT vào dạy đọc, nhất là dạy ĐH. Điểm chung trong các công trình nghiên cứu của các tác giả là đề xuất đưa TT vào dạy đọc ở bậc tiểu học, nhằm PTNL ĐH (trong đó có ĐH VBCHA) cho HS tiểu học.

1.2. Văn bản có hình ảnh

1.2.1. Khái niệm

1.2.1.1. Văn bản: Trong luận án, chúng tôi thống nhất với cách hiểu và cách phân chia các loại VB của Nguyễn Thị Hồng Nam, bởi cách hiểu thuật ngữ VB này đã thể hiện đầy đủ đặc điểm của VB hiện đại: *VB là những sản phẩm ngôn ngữ (dạng nói hoặc dạng viết) và những sản phẩm kết hợp giữa ngôn ngữ và các loại kí hiệu khác.*

1.2.1.2. Hình ảnh: Có nhiều cách hiểu về hình ảnh song trong luận án, chúng tôi chỉ đề cập đến hình ảnh tĩnh, gồm ảnh chụp, ảnh vẽ, hình minh họa, và các kiểu đồ họa hai chiều khác.

1.2.1.3. Quan niệm về văn bản có hình ảnh

VB có hình ảnh là VB có sự phối hợp chặt chẽ của kênh hình (hình ảnh) và kênh chữ (phần ngôn ngữ) để tạo nghĩa cho VB trong quá trình tạo lập cũng như tiếp nhận VB.

1.2.2. Đặc trưng của văn bản có hình ảnh

1.2.2.1. Một số đặc điểm về tiếp nhận và tạo lập văn bản có hình ảnh: VB có hình ảnh được tiếp cận theo cách phi tuyến tính, nhấn mạnh vai trò của yếu tố không gian; VB có hình ảnh chịu sự chi phối không chỉ bởi các thành phần của ngôn ngữ, mà còn bởi các thành phần của hình ảnh; VB có hình ảnh có đối tượng tiếp nhận, thời gian tiếp nhận linh hoạt hơn VB chỉ có phần ngôn từ; VB có hình ảnh có khả năng cụ thể hóa cao hơn so với VB chỉ có phần ngôn từ; Xét về cách thức tạo lập, VB có hình ảnh có cách thức tạo lập phức tạp hơn.

1.2.2.2. Các thành phần nghĩa của văn bản có hình ảnh: Len Unsworth cho rằng sự kết hợp giữa kênh hình và kênh chữ trong VB tạo ra một "siêu ngôn ngữ" (metalanguage). Có thể sử dụng lí thuyết về ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday (chủ yếu là ngữ pháp lời nói) kết hợp ngữ pháp thiết kế trực quan của Kress và Van Leeuwen (chủ yếu là những mô tả kí hiệu học về ý nghĩa của hình ảnh) để hiểu VB có hình ảnh.

Theo Halliday, có ba siêu chức năng (metafunctions) của ngôn ngữ là chức năng tạo ý (ideational), chức năng giao tiếp liên nhân (interpersonal) và chức năng tạo văn bản (textual). Kress và Van Leeuwen phát triển thêm lí thuyết mô tả ba loại nguồn tạo nghĩa. Đó là các nghĩa ý tưởng (nghĩa biểu hiện), nghĩa liên nhân và nghĩa bố cục (nghĩa thành phần). Len Unsworth tiếp tục nghiên cứu về sự kết hợp của ngôn ngữ và hình ảnh (image-language interaction) trong "siêu ngôn ngữ" (metalanguage). Sự tương tác giữa lời nói và hình ảnh trong VB tạo ra những ý nghĩa mới: ý nghĩa ý tưởng, ý nghĩa liên nhân, ý nghĩa bố cục.

* *Ý nghĩa ý tưởng* dựa trên quan hệ của các thành phần lời nói và hình ảnh. Đó là sự đồng thuận ý tưởng giữa lời nói và hình ảnh, sự bổ sung của hình ảnh cho lời nói, sự kết nối hình ảnh và lời nói.

* *Ý nghĩa liên nhân của văn bản có hình ảnh:* Ý nghĩa liên nhân theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday thường được giới hạn trong bình luận về sự thật, về những gì được thể hiện bằng ngôn ngữ học. Từ đây, Len Unsworth tìm hiểu ý nghĩa liên nhân của hình ảnh dựa trên ngữ pháp thiết kế trực quan của Kress và Van Leeuwen. Có ba bình diện chính của ý nghĩa liên nhân: sự giao tiếp giữa khán giả và những gì được thể hiện trong hình ảnh; khoảng cách xã hội được thể hiện qua việc hình ảnh được thể hiện ở cự li gần, cự li trung bình, hay cự li xa; thái độ liên nhân được xây dựng bởi góc độ theo chiều thẳng đứng và theo chiều ngang. Với bình diện thứ nhất, hình ảnh giao tiếp, tương tác với người xem. Với bình diện thứ hai, chi tiết, nhân vật (người, vật…) trong hình ảnh được đặt ở vị trí cận cảnh, cho thấy sự thân mật. Với bình diện thứ ba, nếu hình ảnh được chụp, hay vẽ từ điểm nhìn phía trên nhìn xuống (trùng với điểm nhìn của khán giả), cho thấy hình ảnh về nhân vật (một người nào đó) có quyền lực thấp, hay dễ bị tổn thương.

* *Ý nghĩa bố cục của văn bản có hình ảnh*: được hiểu là cách sắp xếp của phần hình ảnh và phần lời. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng cách bố trí cái đã biết/cái mới (given/new), ý tưởng/thực tại (idea/real) và khung của VB thường được sử dụng trong VB có hình ảnh. Thông thường, những gì quen thuộc được đặt trong vị trí đã biết ở bên tay trái và những gì không quen thuộc được đặt trong vị trí mới ở bên tay phải. Tuy nhiên, các cấu trúc ý tưởng/thực tế có thể được bố cục theo chiều từ trên xuống dưới.

1.3. Truyện tranh

1.3.1. Truyện: Truyện là khái niệm chỉ các tác phẩm tự sự nói chung. Truyện phản ánh đời sống trong tính khách quan (tương đối) của nó - qua con người, hành vi, sự kiện được kể lại bởi một người kể chuyện nào đó.

1.3.2. Truyện tranh: Chúng tôi quan niệm TT (khổ nhỏ) phù hợp với việc dạy học ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 là những *truyện có phần tranh kết hợp với phần lời*, nội dung và ý nghĩa của TT được biểu đạt thông qua cả phần tranh (kênh hình) lẫn phần lời (kênh chữ).

1.4. Năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh

1.4.1. Năng lực: Luận án quan niệm NL là thuộc tính cá nhân cho phép cá nhân thực hiện thành công hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể. Thuộc tính đó thể hiện ở tổ hợp những hành động vật chất và tinh thần tương ứng với dạng hoạt động nhất định dựa vào những đặc điểm cá nhân (sinh học, tâm lí và giá trị xã hội) được thực hiện tự giác và dẫn đến kết quả phù hợp với trình độ thực tế của hoạt động

1.4.2. Năng lực đọc hiểu: Năng lực ĐH là một bộ phận hợp thành của năng lực giao tiếp (literacy). Có thể nói, cùng với sự mở rộng nội hàm của khái niệm NL giao tiếp, NL ĐH ngày nay đã trở thành NL ĐH đa phương thức.

1.4.3. Năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh: NL ĐH VB có hình ảnh là NL tiếp nhận VB, là hoạt động người học đọc chữ, xem hình ảnh trong VB, nhằm xử lí thông tin trong VB vào những mục đích khác nhau trong thực tiễn đời sống, học tập của cá nhân và cộng đồng.

1.5. Dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2

***1.5.1. Mục tiêu dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2*:** Chúng tôi đưa ra mục tiêu PTNL ĐH VB có hình ảnh qua sử dụng truyện tranh: ĐH nội dung VB ở phần ngôn ngữ và hình ảnh; ĐH phương thức biểu đạt của VB; Liên hệ, so sánh, vận dụng, đọc mở rộng.

1.5.2. Nội dung dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2

Chúng tôi đề xuất lựa chọn, thiết kế một số TT với tư cách là các ngữ liệu phù hợp để dạy ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2; trong đó hướng HS tới việc tìm hiểu về chi tiết và nhân vật trong truyện; hình dáng, điệu bộ của nhân vật; tình cảm, thái độ giữa các

nhân vật trong truyện… thể hiện qua kênh chữ và kênh hình của truyện. Chúng tôi cũng đề xuất các câu hỏi, bài tập phù hợp để dạy học PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 qua sử dụng TT.

1.5.3. Phương pháp dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2

Lưu ý đến sự biểu đạt của kênh hình trong VB có hình ảnh, GV nên sử dụng nhiều PP trực quan, PP trò chơi, thảo luận nhóm… thông qua hoạt động hướng HS quan sát phần hình ảnh để tìm ra các chi tiết, nhân vật, cách bố cục…trong hình ảnh, liên kết phần hình ảnh và phần lời để hiểu nội dung, ý nghĩa của VB. Ngoài ra, tùy theo điều kiện lớp học, GV tự sáng tạo thêm các biện pháp DH, hình thức DH cho hợp lí.

1.5.4. Đánh giá kết quả phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2

Từ các mức độ PTNL ĐH VB, có thể nhận thấy đánh giá NL ĐH VB là xác định mức NL mà mỗi HS đạt được trên đường phát triển NL, từ đó có kế hoạch dạy học, giáo dục hợp lí giúp mỗi HS nâng mức NL cá nhân tới mức đạt chuẩn và trên chuẩn. Do vậy, để đánh giá NL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2, cần xác định được các mức độ ĐH VB có hình ảnh, cũng như phác họa đường phát triển NL này ở HS tiểu học, từ đó đo mức NL mà mỗi HS đạt được.

1.6. Đặc điểm của học sinh lớp 1, 2 đối với việc phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh qua sử dụng truyện tranh

1.6.1. Trí tưởng tượng và sáng tạo của học sinh lớp 1, 2

1.6.2. Tư duy trực quan của học sinh lớp 1, 2

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN CÓ HÌNH ẢNH CHO HỌC SINH LỚP 1, 2 QUA SỬ DỤNG TRUYỆN TRANH

2.1. Dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2 ở một số nước trên thế giới

Ở một số nước trên thế giới, mà tiêu biểu là Mĩ và Australia, dạy học PTNL ĐH, trong đó có ĐH VB có hình ảnh ở lớp 1, 2 rất được coi trọng.

2.1.1. Mục tiêu dạy học

Mục tiêu PTNL ĐH thể hiện trước hết ở chương trình giáo dục ở các nước. Chương trình giáo dục của Mĩ (Common Core State Standard) đưa ra những chuẩn đọc rất cụ thể cho HS từ lớp mẫu giáo đến lớp 5, trong đó có chuẩn đọc VB văn học, chuẩn đọc VB thông tin. Trong chuẩn đọc VB văn học, chương trình có đề cập đến đọc VB có hình ảnh.

Trong chương trình giáo dục tiểu học của Australia (Australia curriculum), yêu cầu ĐH VB đặt ra với lớp 1, 2 có đề cập đến yêu cầu ĐH VBCHA.

2.1.2. Nội dung dạy học, phương pháp dạy học

Ở một số nước, nội dung dạy học, phương pháp dạy học ĐH, trong đó có dạy ĐH VB có hình ảnh được chú trọng nhằm PTNL ĐH cho HS lớp 1, 2.

Ở Mĩ, các đề tài ĐH trong chương trình lớp 1 rất gần gũi với cuộc sống của các em. Phương pháp dạy học đọc cho HS lớp 1 ở Mĩ rất đa dạng, linh hoạt và thú vị, chú trọng khả năng tự học. Phương pháp dạy học ĐH ở Mĩ đặc biệt quan tâm đến tổ chức các trò chơi tạo sự hứng thú cho HS, biến giờ học thành giờ chơi thực thụ.

Trong dạy học ĐH cho HS lớp 1, 2 ở Australia, GV rất chú trọng khai thác phần tranh ảnh, hình vẽ trong bài đọc, cũng như chú trọng kết nối những thông tin đọc được với kinh nghiệm của cá nhân HS.

2.1.3. Đánh giá kết quả đọc hiểu

Việc đánh giá NL sử dụng ngôn ngữ, trong đó có NL ĐH VB có hình ảnh ở Australia chia làm 3 mức: dưới mức đạt yêu cầu (below satisfactory), mức đạt yêu cầu (satisfactory), trên mức đạt yêu cầu (above satisfactory). Cùng một yêu cầu ĐH và viết ra những gì mình thu nhận được từ việc đọc, kết quả các bài làm của HS chia làm 3 mức.

2.2. Thực trạng dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2 ở Việt Nam qua khảo sát

2.2.1. Mục đích, phạm vi khảo sát:

Mục đích: Đánh giá thực trạng dạy học PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 tại một số trường tiểu học ở Hà Nội, Thái Bình, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Kiên Giang.

Phạm vi: Mẫu khảo sát gồm 48 GV tiểu học, 420 HS lớp 1, 420 HS lớp 2; Khảo sát được thực hiện ở 6 trường tiểu học thuộc Hà Nội, Thái Bình, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Kiên Giang

2.2.2. Nội dung khảo sát:

Khảo sát 48 GV thông qua phiếu hỏi xoay quanh một số nội dung: Nhận thức của GV về đổi mới chương trình, sách giáo khoa tiểu học hiện nay; Nhận thức của GV về dạy học định hướng PTNL; Quan niệm của GV về VB có hình ảnh, đặc trưng của VB có hình ảnh, mục tiêu của việc dạy học ĐH VB có hình ảnh, kết quả đạt được khi dạy học ĐH VB có hình ảnh; Kinh nghiệm của GV về dạy học ĐH VB có hình ảnh: hình thức dạy học, phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học GV đã dùng khi dạy học ĐH VB có hình ảnh; Những khó khăn hay thách thức cơ bản khi dạy học ĐH VB có hình ảnh.

Khảo sát HS lớp 1, 2 thông qua phiếu hỏi với nội dung cụ thể như sau: HS viết tên một quyển truyện đang đọc, lựa chọn những gì HS thích đọc hoặc xem; HS đưa ra câu trả lời về việc thích hay không thích học các bài đọc có phần chữ và phần tranh, đưa ra lí do nếu thích bài học đó.

2.2.3. Phương pháp và kĩ thuật khảo sát: Chúng tôi tiến hành khảo sát GV và HS thông qua phiếu hỏi. Phiếu hỏi được thiết kế gồm dạng câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi tự luận.

2.2.4. Kết quả khảo sát

2.2.4.1. Kết quả khảo sát giáo viên: Kết quả khảo sát cho thấy các GV đã tiếp cận được với nội dung đổi mới chương trình, sách giáo khoa ở tiểu học hiện nay, nhưng họ chưa có cái nhìn bao quát, toàn diện về đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá...của chương trình và sách giáo khoa mới. Về

VB có hình ảnh, còn nhiều GV quan niệm hình ảnh chỉ có tính chất minh họa mà chưa phải một nội dung dạy học; nhiều GV chưa xác định đúng đắn mục tiêu của việc dạy học ĐH VB có hình ảnh là hướng tới giúp HS có NL ĐH kiểu VB này.

2.2.4.2. Kết quả khảo sát học sinh

Kết quả khảo sát cho thấy đa số HS thích đọc VB có hình ảnh, đọc TT, thích học các bài học có cả phần chữ và phần hình ảnh.

2.2.5. Nhận định chung về thực trạng phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2

Nhận thức của GV về đổi mới chương trình, sách giáo khoa ở tiểu học hiện nay còn nhiều hạn chế, quan niệm của GV về VB có hình ảnh, về đặc trưng của VB có hình ảnh, về mục tiêu cụ thể của việc dạy học ĐH VB có hình ảnh là đúng nhưng chưa đủ, chưa toàn diện. Từ kết quả khảo sát HS lớp 1, 2, chúng tôi nhận thấy các em rất thích đọc truyện, nhất là TT. Các em cũng thích học các bài học có phần chữ và phần tranh.

Từ thực tế khảo sát, có thể thấy các hình thức dạy học GV lựa chọn để dạy học ĐH VB có hình ảnh cũng khá đa dạng như học theo lớp, học theo nhóm. Tuy nhiên, khi xác định các kĩ thuật dạy học đã tiến hành thì nhiều GV khẳng định chỉ sử dụng các kĩ thuật dạy học quen thuộc và dễ thực hiện như kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật viết tích cực, kĩ thuật đọc tích cực...mà ít hoặc chưa bao giờ dùng những kĩ thuật rất có hiệu quả trong việc dạy học ĐH như kĩ thuật đóng vai, kĩ thuật KWL...

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN CÓ HÌNH ẢNH CHO HỌC SINH LỚP 1, 2 QUA SỬ DỤNG TRUYỆN TRANH

3.1. Nguyên tắc xây dựng các biện pháp phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2 qua sử dụng truyện tranh

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2: Các biện pháp được đề

xuất trong luận án đảm bảo mục tiêu PTNL ĐH. Việc lựa chọn và sắp xếp nội dung dạy học ĐH VB có hình ảnh qua sử dụng TT lấy hoạt động đọc làm mục đích, hướng vào hình thành NL đọc, nhất là NL ĐH VB có hình ảnh. Bên cạnh đó, sử dụng giao tiếp như một trong những phương pháp chủ đạo.

3.1.2. Nguyên tắc chú trọng sự kết hợp hài hòa giữa kênh chữ và kênh hình của văn bản có hình ảnh trong dạy học: dạy học ĐH VB có hình ảnh đòi hỏi sự quan tâm đến khả năng biểu đạt của cả kênh chữ và kênh hình trong VB, đòi hỏi việc khai thác kênh chữ và kênh hình trong quá trình tổ chức hoạt động ĐH cho HS lớp 1, 2. Vì vậy, xây dựng các biện pháp dạy học ĐH VB có hình ảnh cần phải đảm bảo vấn đề khai thác kênh chữ kết hợp với kênh hình.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với đối tượng học sinh lớp 1, 2: Lưu tâm đến đặc điểm tâm lí của HS, đặc biệt là bước chuyển khó khăn từ hoạt động chủ đạo là hoạt động vui chơi sang hoạt động học tập của HS, nhất là với HS lớp 1; Chú ý đến nhận thức và hứng thú của HS khi tiếp xúc với VB có sự liên kết chặt chẽ giữa kênh chữ và kênh hình; Chú ý đến trình độ tiếng mẹ đẻ của HS.

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với thực tế giáo dục: khi lựa chọn, thiết kế VB có hình ảnh phù hợp để dạy học ĐH cho HS lớp 1, 2 cũng cần chú trọng VB có hình ảnh tĩnh, để HS dễ tiếp nhận, GV cũng dễ tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp và ở ngoài lớp.

3.2. Các biện pháp phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2 qua sử dụng truyện tranh

3.2.1.Xác định yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh của học sinh lớp 1, 2

*a. Phương pháp tiếp cận để xác định yêu cầu cần đạt:*Tiếp cận phân tích cấu trúc NL, Tiếp cận chuẩn ĐH.

b. Các bước xây dựng yêu cầu cần đạt của NL ĐH VB có hình ảnh

Bước 1: Xác định khái niệm NL ĐH VB có hình ảnh của HS tiểu học (NL ĐH VB có hình ảnh của HS tiểu học là NL tiếp nhận VB, là hoạt động HS đọc chữ và hình ảnh trong các VB có cả phần

kênh chữ và phần kênh hình, nhằm xử lí thông tin trong VB vào những mục đích khác nhau trong thực tiễn đời sống, học tập của cá nhân và cộng đồng); *Bước 2: Xác định các thành tố của NL ĐH VB có hình ảnh của HS tiểu học* (NL ĐH VB có hình ảnh gồm các thành tố: A. Đọc hiểu nội dung VB ở phần ngôn ngữ và hình ảnh. B. Hiểu phương thức biểu đạt của VB. C. Biết liên hệ, so sánh, vận dụng, đọc mở rộng); *Bước 3: Xác định các chỉ số hành vi của NL ĐH VB có hình ảnh của HS tiểu học; Bước 4: Xây dựng tiêu chí chất lượng; Bước 5: Thực nghiệm đo lường các chỉ số hành vi của HS tiểu học để xác định đường PTNL và quyết định về yêu cầu cần đạt.*

3.2.2. Lựa chọn, thiết kế truyện tranh để phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2

Khi lựa chọn, thiết kế TT, cần chú ý phần tranh, phần lời, và chú trọng sự kết nối giữa phần tranh và phần lời.

- *Phần lời của truyện:* Khi lựa chọn phần lời cho TT, cần chú ý: Nội dung truyện phù hợp với HS lớp 1, 2: Chủ đề truyện quen thuộc, gần gũi với cuộc sống của HS lớp 1, 2; Nhân vật trong truyện giản dị, gần gũi; Cốt truyện gây hứng thú với HS; Ý nghĩa câu chuyện mang tính giáo dục hỗ trợ HS hình thành nhân cách; Từ vựng trong truyện tự nhiên, trong sáng, không dùng các từ trừu tượng; Cấu trúc ngữ pháp đơn giản, dễ hiểu với các câu đơn là chủ yếu, mỗi câu đơn khoảng 10 chữ; Về dung lượng của truyện: Truyện cho HS lớp 1 có thể từ 80 đến 100 chữ; truyện cho HS lớp 2 khoảng 150 chữ.Trong khuôn khổ luận án, chúng tôi giới thiệu 6 TT, gồm 4 TT để dạy cho HS lớp 1; 2 TT để dạy cho HS lớp 2 (Phụ lục).

- *Phần tranh của truyện:* Phần tranh vẽ rõ ràng, sáng sủa, phù hợp với tình huống, sự vật minh họa; thông điệp của tranh chính xác, dễ hiểu với HS lớp 1, 2; đặc biệt lưu ý tới tính giáo dục, tính thẩm mĩ của tranh; tranh thể hiện ba ý nghĩa (nghĩa biểu hiện, nghĩa liên nhân, nghĩa bố cục).

- *Chú trọng sự kết nối giữa phần tranh và phần lời*: Để đảm bảo sự tương tác giữa phần tranh và phần lời trong truyện, lưu ý đến những yêu cầu sau: Phần chữ nên to, rõ ràng; Kiểu chữ dùng trong

truyện là kiểu chữ in thường, phông chữ quen thuộc với HS; Phần tranh có sự liên kết chặt chẽ với phần chữ để thông qua TT, HS biết ĐH VB có hình ảnh trên các phương diện: hiểu nghĩa ý tưởng, nghĩa liên nhân, nghĩa bố cục của VB.

3.2.3. Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2 qua sử dụng truyện tranh

** Câu hỏi, bài tập trước khi đọc VB*

+ Câu hỏi, bài tập đoán nghĩa VB dựa vào hình ảnh và lời: Khi xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập giúp HS đoán nghĩa VB dựa vào lời và hình ảnh, cần chú ý đến tên VB (tên truyện), cách thiết kế VB, phần hình ảnh trong VB – những yếu tố gây ấn tượng đầu tiên với người đọc (Em nhìn thấy những gì? Truyện có thể viết về điều gì?; Điều gì sẽ xảy ra trong truyện? Điều gì sẽ xảy ra với nhân vật?)

+ Câu hỏi, bài tập hướng dẫn cách đọc lướt VB có hình ảnh: GV có thể hướng dẫn HS đặt những câu hỏi sau để giúp HS có được KN này: Câu chuyện diễn ra ở đâu? Có mấy tranh trong VB?; Nhìn vào tranh, hãy viết 1 câu về VB.

** Câu hỏi, bài tập trong khi đọc VB:* là những câu hỏi kiểm soát việc hiểu VB của người đọc. Giáo viên có thể hướng dẫn học sinh dựa trên những câu hỏi gợi ý: Dựa vào tranh và lời, em đoán những gì xảy ra tiếp theo trong truyện? Em đoán truyện kết thúc như thế nào? Em thấy phần văn bản nào quan trọng nhất?

** Câu hỏi bài tập sau khi đọc VB:*

+ Câu hỏi, bài tập tìm hiểu nghĩa biểu hiện của VB thông qua lời và hình ảnh: Dựa vào quan hệ đồng thuận giữa lời nói và hình ảnh trong VB, có thể hướng dẫn HS trả lời những câu hỏi (Nhìn tranh vẽ số 3, hãy tả vẻ mặt của nhân vật trong truyện; Tranh vẽ số 2 cho em biết thêm điều gì?; Em thích tranh vẽ số mấy trong truyện, viết tên vật em thích trong tranh); Dựa vào quan hệ bổ sung, có thể hướng dẫn HS trả lời câu hỏi (Nhìn tranh vẽ, cho biết các nhân vật đang làm gì? ở đâu?); Dựa vào mối quan hệ kết nối giữa phần hình ảnh và phần lời trong VB, có thể sử dụng những câu hỏi như: Nhân

vật nào được thể hiện rõ nhất trong tranh. Vì sao?; Hình ảnh mô tả chi tiết nào có trong phần lời của VB?

+ Câu hỏi tìm hiểu nghĩa liên nhân thông qua lời và hình ảnh.

Ý nghĩa liên nhân của VB có hình ảnh bao gồm ý nghĩa tương tác và đánh giá. Ý nghĩa tương tác đề cập đến vai trò của các cá nhân tương tác trong việc đưa ra thông tin. Ý nghĩa đánh giá trong VB có hình ảnh thể hiện ở sự cộng hưởng giữa hình ảnh và lời nói. Dựa vào đó có thể hướng dẫn HS trả lời một số câu hỏi như: Hình vẽ nào thể hiện rõ nhất vẻ sợ hãi của nhân vật? Lựa chọn câu trả lời đúng về nhân vật.

+ Câu hỏi, bài tập tìm hiểu nghĩa bố cục của văn bản có hình ảnh: ví dụ câu hỏi, bài tập sau:

- Trong mỗi đoạn truyện, phần tranh với phần lời được sắp xếp theo trình tự nào sau đây? (Truyện "Sói và Sóc", Truyện "Câu chuyện về giọt nước")

a. Từ trên xuống dưới.

b. Từ trái sang phải

- Trong tranh số 2, phần chính giữa của tranh vẽ những con gì, chúng đang làm gì? (Truyện "Sói và Sóc", Truyện "Bộ áo của Mèo Mướp").

+ Câu hỏi, bài tập liên hệ, so sánh ngoài VB

+ Câu hỏi, bài tập liên hệ VB với kinh nghiệm bản thân, vận dụng ý tưởng trong VB vào giải quyết vấn đề trong cuộc sống

Đây là ví dụ cụ thể về câu hỏi, bài tập sau khi đọc VB: Chuyện của bạn Linh gợi cho em cảm xúc gì? (Truyện "Đôi bạn"); Em đã làm gì giúp đỡ bạn khi bạn em bị ốm? (Truyện "Đôi bạn"); Em yêu thích nhân vật nào trong truyện? Em có thể vẽ lại nhân vật đó không? (Truyện "Sói và Sóc").

3.2.4. Vận dụng một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, phương pháp đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh của học sinh lớp 1, 2 qua sử dụng truyện tranh

a. Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực

+ Phương pháp dạy học hợp tác nhóm nhỏ

- *Kĩ thuật KWL* là kĩ thuật dạy học liên hệ giữa các kiến thức HS đã biết liên quan đến bài học (Know), các kiến thức HS muốn biết (Want) và các kiến thức học được sau bài học (Learned).

Luận án đưa ra ví dụ hướng dẫn điền vào phiếu học tập KWL khi dạy TT "Sói và Sóc", hay bài học "Câu chuyện về giọt nước".

- *Kĩ thuật đặt câu hỏi* là việc GV đặt câu hỏi để HS trả lời hoặc HS đặt câu hỏi cho GV để tiếp nhận kiến thức, KN và PTNL, phẩm chất. Chẳng hạn, GV giúp HS hiểu và thực hiện được yêu cầu: "Nhìn vẻ mặt bạn Linh trong tranh số 2, mỗi em nói giúp Linh điều bạn ấy cảm thấy khi biết Trang nghỉ học", GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi qua việc đưa ra những câu đơn giản hơn như: "Trong tranh là bạn nào? Vì sao vẻ mặt bạn buồn? Theo em bạn đang nghĩ gì vậy?". Từ đây, HS thực hiện được yêu cầu "mỗi em nói giúp Linh điều bạn ấy cảm thấy khi biết Trang nghỉ học".

+ *Vận dụng phương pháp trò chơi học tập*

Ví dụ với truyện "Câu chuyện về giọt nước":

2. Chơi trò vẽ sơ đồ cho thấy quá trình giọt nước sinh ra từ những vật sau:

GV có thể tổ chức cho HS chơi trò vẽ sơ đồ theo các bước: Bước 1: GV giới thiệu mục đích của trò chơi là giúp HS hiểu được quá trình giọt nước được sinh ra. Tên trò chơi là "Thi vẽ sơ đồ nhanh"; Bước 2: GV hướng dẫn cách chơi; Bước 3: Các nhóm thực hiện chơi, GV đến bên các nhóm để hỗ trợ khi cần; Bước 4: Các nhóm treo các sản phẩm là sơ đồ đã vẽ của nhóm lên bảng lớp. Cả lớp, GV nhận xét, đánh giá. GV củng cố kiến thức của bài học.

+ *Vận dụng phương pháp đóng vai*

Khi dạy bài "Câu chuyện của giọt nước", GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu sau: "Đóng vai chị Gió, cô Mây Hồng, cô Mưa, bác Mặt Trời nói lời giải thích của mình". GV chia lớp thành 3 đến 4 nhóm, giao tình huống đóng vai cho từng nhóm. Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai, các bạn trong nhóm tự nhận vai của mình, nhẩm "lời thoại" của nhân vật mà mình đảm nhận. Trong quá trình các nhóm báo cáo kết quả, GV có thể phỏng vấn HS về cách diễn vai chị Gió (cô Mây Hồng, cô Mưa, bác Mặt Trời). Cuối cùng, GV kết luận về các vai HS đã đóng và giúp HS hiểu ý nghĩa của việc đóng vai.

b. Xác định phương pháp đánh giá: Xác định mục đích đánh giá; Xác định yêu cầu cần đạt của NL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2; Thiết kế các công cụ đánh giá NL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 (Xây dựng ma trận đề kiểm tra NL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2; Biên soạn đề kiểm tra theo ma trận); Tổ chức thực hiện đánh giá thử bằng bộ công cụ đã thiết kế; Tổ chức đánh giá trên toàn bộ HS để thu thập kết quả.

3.2.5. Tổ chức đọc rộng để tăng cường năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2 qua sử dụng truyện tranh

- Xây dựng tủ sách của lớp và đảm bảo số lượng văn bản có hình ảnh trong tủ sách

- Hướng dẫn HS ĐH văn bản có hình ảnh ở trong và ngoài lớp (ở gia đình, ở thư viện): Hướng dẫn HS cách đọc sách; Hướng dẫn HS ghi nhật kí đọc sách và sử dụng phiếu đọc sách; Hướng dẫn HS chia sẻ hiệu quả đọc sách trong câu lạc bộ đọc sách.

CHƯƠNG 4
THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. Giới thiệu quá trình thực nghiệm

4.1.1. Mục đích, quy mô, đối tượng và địa bàn thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành trên 4 lớp 1 và 4 lớp 2 với 76 mẫu HS đối chứng lớp 1, 73 HS thực nghiệm lớp 1; 67 mẫu HS đối chứng lớp 2 và 67 mẫu HS thực nghiệm lớp 2. Chúng tôi lựa chọn hai trường thực nghiệm là: Trường tiểu học Nghĩa Dũng, quận Ba Đình, Hà Nội và trường tiểu học Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

4.1.2. Nội dung thực nghiệm

Những nội dung chính mà chúng tôi muốn lựa chọn để thực nghiệm là: Một số thiết kế bài học ĐH VB có hình ảnh qua sử dụng TT trong môn Tiếng Việt lớp 1, 2; Một số biện pháp PTNL ĐH VB có hình ảnh qua sử dụng TT ở lớp 1, 2 trong dạy học Tiếng Việt. Thực nghiệm được tiến hành vào học kì II năm học 2017-2018.

a. Thực nghiệm thăm dò: Bài học *Đôi bạn* (lớp 1)*;* Bài học *Sự tích Hồ Gươm* (lớp 2);

b. Thực nghiệm tác động: Bài học *Chú Sẻ Con và bông hoa bằng lăng* (lớp 1); Bài học *Bộ áo của Mèo Mướp* (lớp 1)*;* Bài học *Sói và Sóc* (lớp 1)*;* Bài học *Câu chuyện về giọt nước* (lớp 2);

c. Các biện pháp được lựa chọn thực nghiệm: Lựa chọn TT để dạy học ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2; Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 qua TT; Vận dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học ĐH VB có hình ảnh qua sử dụng TT cho HS lớp 1, 2; Xác định phương pháp đánh giá NL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 qua sử dụng TT.

4.1.3. Phương pháp và kĩ thuật tiến hành

- Chúng tôi đã sử dụng các phương pháp thực nghiệm sau: Quan sát; Nghiên cứu sản phẩm; Phỏng vấn.

- Tiêu chí đánh giá là kết quả học tập của HS. Công cụ đo là bài kiểm tra; Thang đo được chúng tôi áp dụng là thang đo điểm 10, Chúng tôi phân chia bài kiểm tra thành các mức độ sau: *Loại giỏi (9-10 điểm)*; *Loại khá (7-8 điểm)*; *Loại trung bình (5-6 điểm)*; *Loại yếu (3-4 điểm)*; *Loại kém (1-2 điểm).*

- Thang đánh giá NL ĐH VB có hình ảnh của HS lớp 1, 2 được xây dựng dựa trên yêu cầu cần đạt (đã trình bày ở chương 3), gồm 3 mức: được mô tả ở bảng sau:

Stt	Mức NL	Điểm số	Đánh giá
1	Mức 1 (M1)	0-4	Mức thấp của YCCĐ
2	Mức 2 (M2)	5-8	Mức đạt YCCĐ
3	Mức 3 (M3)	9-10	Mức cao của YCCĐ

- Phương pháp xử lí số liệu: Về mặt định lượng: Được xử lí theo phương pháp thống kê; Về mặt định tính: phân tích chất lượng bài kiểm tra và đối chiếu với các mức độ được mô tả trong YCCĐ về NL ĐH VB có hình ảnh của HS lớp 1, 2 để khẳng định tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp đã đề xuất.

- Tiến hành thực nghiệm qua các khâu: Trao đổi với cán bộ quản lí của trường tham gia thực nghiệm, nêu rõ mục đích, yêu cầu thực nghiệm; Lựa chọn GV, chọn lớp thực nghiệm và đối chứng; Đánh giá chất lượng ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng trước thực nghiệm; Chọn ra cặp thực nghiệm và đối chứng; Khảo sát HS trước

thực nghiệm thông qua bài kiểm tra; Bồi dưỡng GV tham gia thực nghiệm.

4.2. Phân tích kết quả thực nghiệm

Đa số các GV dạy học thực nghiệm đã thực hiện tốt các tiết học. Ở tất cả các vấn đề liên quan đến ĐH VB có hình ảnh qua sử dụng TT, lớp thực nghiệm đều có sự thay đổi đáng kể so với lớp đối chứng. Các mức nhận thức và NL của lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng, xuất hiện nhiều mức giỏi, mức trên chuẩn ở lớp thực nghiệm.

Ở lớp 1, 2, những bài làm ở lớp thực nghiệm thể hiện rõ việc hiểu VB có hình ảnh. Sự tiến bộ của các lớp 1, 2 thực nghiệm so với lớp đối chứng đã cho thấy hiệu quả bước đầu của những biện pháp PTNL ĐH VB có hình ảnh được áp dụng ở các lớp này.

4.3. Đánh giá chung về thực nghiệm

4.3.1. Về sự phù hợp của các biện pháp phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2 qua sử dụng truyện tranh

Kết quả thực nghiệm cho thấy sự phù hợp của các biện pháp đã đề xuất trong luận án với HS lớp 1, 2 tại các trường tham gia thực nghiệm nói riêng và HS lớp 1, 2 nói chung.

4.3.2. Về tác động của các biện pháp phát triển năng lực đọc hiểu văn bản có hình ảnh qua sử dụng TT ở lớp 1, 2

Sự cải thiện kết quả học tập của HS lớp 1, 2 sau thực nghiệm đã cho thấy những tác động ban đầu của các biện pháp PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 qua sử dụng TT.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Từ những nghiên cứu về NL, về ĐH, về VB có hình ảnh…chúng tôi có cái nhìn bao quát về NL, về ĐH, về ĐH VBCHA và về TT. Trên cơ sở đó, chúng tôi xác định khái niệm NL, NL ĐH, NLĐH VB có hình ảnh, TT...phù hợp với đề tài; tìm hiểu đặc điểm tâm lí của HS lớp 1, 2 trong việc ĐH VB có hình ảnh. Từ đó, chúng tôi xây dựng khung lí luận cho đề tài: VB có hình ảnh, TT, PTNL ĐH VB có hình ảnh; mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá NL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2.

1.2. Những kinh nghiệm của thế giới, nhất là của Mĩ và Australia về dạy học ĐH VB có hình ảnh ở các khía cạnh: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả ĐH cho chúng tôi tìm ra sự vận dụng hợp lí khi áp dụng vào thực tiễn dạy học PT NL, nhất là NL ĐH VB có hình ảnh ở Việt Nam.

1.3. Từ việc khảo sát thực trạng PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2, chúng tôi nhận thấy cần nâng cao nhận thức của GV về định hướng đổi mới chương trình, sách giáo khoa ở tiểu học hiện nay, cũng như nhận thức về dạy học định hướng PTNL trong đó có PTNL ĐH VB có hình ảnh. Bên cạnh đó, cần xây dựng những công cụ và kĩ thuật để giúp GV dạy học ĐH VB có hình ảnh, hướng dẫn GV sử dụng tốt những công cụ và kĩ thuật này.

1.4. Từ cơ sở lí luận và thực tiễn đó, luận án đề xuất một số biện pháp PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS qua sử dụng TT: xác định yêu cầu cần đạt; lựa chọn, thiết kế TT; xây dựng câu hỏi, bài tập ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2; vận dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, phương pháp đánh giá; tổ chức đọc rộng để PTNL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 qua sử dụng TT.

Việc xác định yêu cầu cần đạt cho NLĐH VB có hình ảnh của HS lớp 1, 2 được thực hiện thông qua các bước sau: đưa ra khái niệm NL ĐH VB có hình ảnh của HS tiểu học; xác định các thành tố của NL ĐH VB có hình ảnh của HS tiểu học; xác định các chỉ số hành vi của NL ĐH VB có hình ảnh của HS tiểu học; xây dựng tiêu chí chất lượng; thực nghiệm đo lường các chỉ số hành vi của HS tiểu học để xác định đường phát triển NL và quyết định về yêu cầu cần đạt.

Lựa chọn, thiết kế TT để dạy học ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 cần đảm bảo yêu cầu về phần lời, phần tranh cho truyện, chú ý sự liên kết giữa phần tranh và lời, giúp HS nắm được các nghĩa biểu hiện, nghĩa liên nhân, nghĩa bố cục của VB. Trong luận án, chúng tôi thiết kế 6 truyện tranh (4 truyện cho lớp 1 và 2 truyện cho lớp 2).

Việc xây dựng một số câu hỏi bài tập chú trọng đến những câu hỏi trước khi đọc VB, trong khi đọc VB, câu hỏi bài tập sau khi

đọc VB (câu hỏi tìm hiểu nghĩa biểu hiện, nghĩa liên nhân, nghĩa bố cục của VB).

Trong phần xác định các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học ĐH VB có hình ảnh ở lớp 1, 2, chúng tôi đưa ra những gợi ý về phương pháp, kĩ thuật dạy học theo nhóm, trò chơi, đóng vai...Việc đưa ra chuẩn đánh giá và các công cụ đánh giá NL ĐH VB có hình ảnh như đã trình bày hướng tới giúp GV biết cách đo NL ĐH VB có hình ảnh của HS lớp 1, 2 nhằm điều chỉnh quá trình dạy học, phương pháp dạy học phù hợp khi dạy học ĐH VB có hình ảnh cho HS ở các lớp này.

Biện pháp tổ chức đọc rộng để tăng cường NL ĐH VB có hình ảnh cho HS lớp 1, 2 hướng tới khắc phục thực trạng thiếu vắng những bài học ĐH VB có hình ảnh trong chương trình hiện hành, trong khi đa phần HS được điều tra đều khẳng định thích học những bài học có phần chữ và phần tranh, thích đọc truyện tranh.

1.5. Kết quả thực nghiệm cho thấy những biện pháp đã đề xuất là có tính khả thi. Bảng tổng hợp kết quả khảo sát của HS chỉ rõ các mức nhận thức và NL của lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng, xuất hiện nhiều mức giỏi, mức trên chuẩn ở lớp thực nghiệm. Các biện pháp PTNL ĐH VB có hình ảnh được đưa ra rất phù hợp với giáo viên và học sinh. HS hứng thú hơn khi được học với VB có hình ảnh, GV cũng dễ dàng tổ chức các hoạt động dạy học phong phú, hấp dẫn với VB có hình ảnh. Bên cạnh đó, những biện pháp được đề xuất cũng có tác động đến kết quả học tập và sự phát triển NL ĐH VB có hình ảnh của HS lớp 1, 2 ở những lớp thực nghiệm.

Những kết quả đó đã minh chứng tính đúng đắn của giả thuyết khoa học mà luận án đã đề ra. Việc áp dụng những biện pháp PTNL ĐH VB có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2 qua sử dụng TT đã có hiệu quả bước đầu, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và hiệu quả dạy học ĐH VB cho HS lớp 1, 2 nói riêng và HS tiểu học nói chung.

2. Khuyến nghị

2.1. Những nhà làm chương trình, làm sách giáo khoa cần đưa VB có hình ảnh nói chung, TT nói riêng vào trong sách giáo

khoa tiểu học mới, nhằm giúp HS tiểu học, nhất là HS lớp 1, 2 được PTNL ĐH VB có hình ảnh. Với môn Tiếng Việt ở tiểu học, nên đưa thêm các VB có hình ảnh là truyện tranh vào trong các bài đọc, để HS được làm quen và được học loại VB này, giúp các em được PT NL ĐH VB có hình ảnh.

2.2. Các trường tiểu học cần tạo điều kiện cho GV nâng cao hơn nữa nhận thức về chương trình, sách giáo khoa mới, về việc vận dụng phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học ĐH, nhất là dạy học ĐH VB có hình ảnh.

2.3. GV tiểu học cần tăng cường nhận thức về VB có hình ảnh cũng như cách tiếp cận, dạy học loại VB này cho học sinh tiểu học, nhằm giúp các em làm quen và chiếm lĩnh các VB đa phương thức khác trong cuộc sống.

2.4. Nhà trường, gia đình, các tổ chức xã hội nên tạo điều kiện cho HS lứa tuổi tiểu học được tiếp xúc với VB có hình ảnh, VB đa phương thức thông qua các bài học trên lớp, các thư viện, tủ sách…nhằm nâng cao nhận thức của các em về sự biểu đạt thông tin qua kênh chữ và kênh hình, tiến tới hiểu được tất cả các loại VB đa phương thức hiện đại.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thị Hương Giang (2015), "Sử dụng truyện tranh để phát triển năng lực đọc hiểu trong dạy học Tiếng Việt cho học sinh lớp 3*"*, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Số 117, tháng 6 - 2015, ISSN 0868-3662
2. Nguyễn Thị Hương Giang (2017), "Phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh lớp 1, 2 ở Australia", *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 79 (140) tháng 10 -2017, ISSN 1859-3917
3. Nguyễn Thị Hương Giang (2018), "Thiết kế truyện tranh để dạy học đọc hiểu văn bản có hình ảnh cho học sinh lớp 1, 2", *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 91(153) tháng 11-2018, ISSN 1859-3917
4. Nguyễn Thị Hương Giang (2018), "Xác định yêu cầu cần đạt cho kĩ năng đọc hiểu văn bản có hình ảnh của học sinh lớp 1, 2", *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 92(154) tháng 12-2018, ISSN 1859-3917